THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2356/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Công tác dân tộc đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V.III (3b). 240

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1999/ SY-UBND

Nơi nhận:
- Các Sở: NV, KHĐT, TC, LĐ-TB&XH, NN&PTNT, GD-ĐT, Y tế;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- PVPNN, K1;
- Lưu: VT (21b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 17 tháng 12 năm 2013

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Lê Nhuận

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Xây dựng các chương trình, chính sách, dự án, đề án cụ thể để triển khai những nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược và tổ chức thực hiện nhằm đạt các mục tiêu của Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

II. CÁC NHIỆM VỤ

1. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số:

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, tăng cường mạng lưới các trường, cơ sở đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi để tập trung ưu tiên đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số;

- Mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số;

- Bổ sung, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn;

- Củng cố, mở rộng quy mô hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho học sinh bán trú; thành lập Học viện Dân tộc để đào tạo đội ngũ trí thức, tạo nguồn cán bộ và phát triển nhân lực vùng dân tộc thiểu số;

- Nâng cao chất lượng hệ thống các trường dạy nghề, sửa đổi, bổ sung các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề phù hợp với năng lực;

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số đang tại ngũ để tạo nguồn cán bộ khi xuất ngũ về địa phương;

- Đẩy mạnh công tác giáo dục, phổ biến tuyên truyền pháp luật vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng đến công tác xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, luật sư là người dân tộc thiểu số;

- Khuyến khích, vận động và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp trong và ngoài nước để tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số;

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đến từng bản, làng, ấp, phum, sóc (gọi chung là thôn), đặc biệt là vùng biên giới; tăng cường cán bộ các Bộ, ban, ngành, lực lượng vũ trang xuống cơ sở trọng điểm về an ninh, quốc phòng, khu vực biên giới;

- Thực hiện tốt chính sách động viên, khuyến khích già làng, trưởng bản, người có uy tín tham gia công tác kiểm tra, giám sát các chương trình, chính sách;

- Thực hiện quy hoạch, đào tạo, phân luồng, hướng nghiệp học sinh dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và các cấp học khác để tạo nguồn cán bộ gắn với nhu cầu sử dụng của địa phương, đặc biệt chú trọng các vị trí cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cơ sở ở những vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số;

- Điều chỉnh, quy định cụ thể chỉ tiêu tuyển sinh người dân tộc thiểu số của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề ở vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ để tạo nguồn cán bộ và phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số;

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển đội ngũ cán bộ Dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới;

- Thực hiện công tác luân chuyển, chính sách khuyến khích, thu hút các nhà khoa học, nhà quản lý giỏi cho công tác dân tộc;

- Tạo điều kiện phát triển đội ngũ doanh nhân là người dân tộc thiểu số;

- Xây dựng cơ chế, chính sách giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp.

3. Phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo đồng bào vùng dân tộc thiểu số:

- Quy hoạch hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa phù hợp với điều kiện từng vùng;

- Xây dựng chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, vốn tín dụng phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm của đồng bào;

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình xuất khẩu lao động, hỗ trợ người dân tộc thiểu số đi lao động ở nước ngoài;

- Tạo cơ hội bình đẳng để đồng bào tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng dịch vụ, phúc lợi xã hội; tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số:

- Đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hoá tập trung, các xã, thôn, bản; các tuyến đường giao thông đi được quanh năm đến trung tâm các xã; xây dựng các cây cầu quy mô nhỏ kết nối liên vùng; đảm bảo hộ gia đình sử dụng điện thường xuyên;

- Tập trung đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ đa mục tiêu phục vụ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, cấp nước sinh hoạt, khai thác thủy điện; tập trung đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc nghiên cứu và nhân giống cây trồng, vật nuôi;

- Phát triển chợ đầu mối, mở rộng giao lưu, trao đổi, quảng bá hàng hóa nông sản tại các vùng sản xuất tập trung, chợ dân sinh, chú trọng nâng cấp, cải tạo, quy hoạch hợp lý chợ biên giới, chợ nằm trong vùng kinh tế cửa khẩu;

- Quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư gắn với đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng nông thôn mới;

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân tộc thiểu số;

- Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao tại các xã, cụm xã.

5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ người dân, đầu tư hoàn thiện trạm y tế xã; đào tạo đội ngũ cán bộ y tế thôn, bản đạt chuẩn, phát triển mạnh y tế dự phòng;

- Xây dựng chính sách, biện pháp giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khám bệnh định kỳ ở các cơ sở y tế; chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho các cháu mẫu giáo, mầm non và học sinh tiểu học để cải thiện tầm vóc, sức khỏe thanh, thiếu niên các dân tộc thiểu số;

6. Bảo tồn, phát triển văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số:

- Phát triển toàn diện văn hóa dân tộc thiểu số; chính sách giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa gắn với việc bảo quản, gìn giữ, bảo tồn di tích lịch sử ở từng vùng, từng địa phương; xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ mê tín, dị đoan, hủ tục lạc hậu;

- Xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới, hỗ trợ trẻ em, nhất là trẻ em nghèo vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

7. Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số:

- Thực hiện các chính sách, chương trình đầu tư, hỗ trợ đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ, chính sách chuyển đổi ngành, nghề, giải quyết tình trạng thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ ổn định lương thực và các nhu yếu phẩm cần thiết cho người dân cư trú ở địa bàn quá khó khăn, có nhiều núi đá thuộc vùng biên giới để đồng bào yên tâm bảo vệ an ninh biên giới, giữ rừng, bảo vệ tài nguyên;

- Thu hút đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn vốn ODA, các nguồn tài trợ trong và ngoài nước khác.

8. Đảm bảo nước sinh hoạt, môi trường sống vùng dân tộc thiểu số:

- Xây dựng chính sách để giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất, nước sinh hoạt, nước sản xuất; có chính sách ưu tiên về mặt bằng, thuế,... để huy động mọi thành phần kinh tế đầu tư và tổ chức cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho các vùng dân tộc thiểu số;

- Đảm bảo môi trường sống, môi trường sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; hỗ trợ người dân vùng dân tộc thiểu số trong việc xây dựng các công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới;

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với đời sống đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập.

9. Phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ:

Nghiên cứu xây dựng chương trình khoa học cấp nhà nước về công tác dân tộc, chú trọng đổi mới việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

III. CÁC ĐỀ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu nêu trên và các nhiệm vụ liên quan được giao tại các Nghị quyết, Chiến lược, Chương trình hành động có liên quan của Chính phủ, các Bộ, ngành chủ trì xây dựng và thực hiện các đề án, nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Chương trình hành động này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm:

- Là cơ quan thường trực Chương trình, điều phối hoạt động của Chương trình và thực hiện các chính sách, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể được phân công.

- Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược theo chức năng, thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương.

- Đôn đốc, kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để bổ sung các nhiệm vụ mới, đặc biệt là các nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành liên quan thẩm định các dự án thuộc Chương trình theo quy định; bố trí vốn; hướng dẫn cơ chế tài chính, lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ, đề án thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành theo hướng dẫn của Uỷ ban Dân tộc; định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, gửi Uỷ ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được phân công. Căn cứ thời hạn quy định và tiến độ xây dựng từng nhiệm vụ cụ thể, các Bộ, ngành chủ trì thực hiện chủ động đăng ký nhiệm vụ vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành mình để phê duyệt và triển khai kịp thời, bảo đảm hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Lồng ghép các dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ, đề án thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chiến lược, quy hoạch ngành, chương trình, chính sách, đề án, nhiệm vụ phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược của địa phương mình; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của địa phương xây dựng và phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương triển khai thực hiện chính sách, quy hoạch, đề án của địa phương trên cơ sở các nhiệm vụ được nêu trong Chương trình.

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các nhiệm vụ được phân công, bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

- Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Chương trình này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí./.

THỦ TƯỚNG

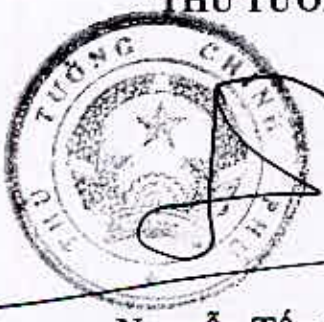

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
I	**Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc và hỗ trợ pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số**				
1	Xây dựng Luật Dân tộc	Uỷ ban Dân tộc,	Hội đồng DT, các Uỷ ban của QH, các Bộ, ngành	2017 - 2020	2021
2	Đề án trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số thường trú ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2015-2020	Bộ Tư pháp	Bộ KH&ĐT, TC, Ban CĐ TB, TN, TNB,UBDT	2015	2015-2020
3	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020	Bộ Tư pháp	UBDT, Bộ KH&ĐT, TC	2013	2013-2020
II	**Giáo dục đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực**				
1	Đề án thành lập Học viện Dân tộc gắn với đào tạo nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Uỷ ban Dân tộc	Bộ GD&ĐT, KH&ĐT, TC, NV	2013	2014-2020
2	Đề án Giáo dục giá trị văn hoá dân tộc cho học sinh dân tộc thiểu số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBDT, Bộ VH, TT&DL	2014	2014-2020
3	Đề án xây dựng chương trình Giáo dục trong trường phổ thông dân tộc nội trú	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBDT, Bộ TC	2014	2014-2020
4	Đề án tăng cường củng cố vốn tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng DTTS	Bộ Giáo dục	UBDT, Bộ TC	2014	2014-2020
5	Đề án xây dựng chương trình đào tạo cán bộ, giáo viên công tác tại các vùng dân tộc thiểu số	Bộ GD & ĐT	UBDT, Bộ TC	2014	2014-2020
6	Xây dựng Chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên người dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo thi đỗ vào các trường đại học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBDT, Bộ TC	2014	2014-2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
7	Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từ số thanh niên dân tộc thiểu số đang tại ngũ cho các dân tộc thiểu số dưới 10.000 người, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới	Bộ Quốc phòng	UBDT, Bộ GD&ĐT	2014	2015 - 2020
8	Đề án liên kết với chính quyền địa phương mở lớp học tiếng dân tộc cho cán bộ, chiến sỹ hiện đang công tác ở vùng vùng dân tộc thiểu số	Bộ Quốc phòng	UBDT, Bộ GD&ĐT	2014	2015 - 2020
9	Chính sách dạy nghề chuyên biệt và giải quyết việc làm cho con em người dân tộc thiểu số đến năm 2020	Bộ LĐ-TB & XH	UBDT, Bộ GD&ĐT	2014	2014-2020
10	Đề án phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2020	Uỷ ban Dân tộc	Bộ GD&ĐT, Nội vụ	2013	2013-2020
11	Chương trình xóa mù chữ, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật và trình độ mọi mặt cho phụ nữ dân tộc thiểu số vùng biên giới	Hội LHPN Việt Nam	UBDT, Bộ TL Bộ đội Biên phòng, Bộ GD&ĐT	2014	2015-2020
III	**Phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội**				
1	Dự án điều tra đánh giá thực trạng đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, quy hoạch quỹ đất sản xuất, đề xuất các chính sách để giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số	Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBDT, Bộ NN &PTNT, địa phương, Ban Chỉ đạo TB, TN, TNB	2014	2014-2018
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015	Uỷ ban Dân tộc	Bộ KH&ĐT, TC, NN&PTN, TN&MT	2013	2013-2015
3	Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015	Uỷ ban Dân tộc	Bộ KH&ĐT, TC, NN&PTN, TN&MT	2013	2013-2015
4	Đề án xây dựng các mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ	Uỷ ban Dân tộc	Bộ KH&ĐT, TC, NN&PTNT LĐ-TB&XH	2014	2014-2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
5	Đề án phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đồng bằng sông Cửu Long	Ủy ban Dân tộc	Các bộ ngành, Ban CĐ TNB	2015	2015-2020
6	Đề án giao đất rừng cho cộng đồng vùng dân tộc thiểu số để tạo sinh kế và môi trường bền vững	Ủy ban Dân tộc	Bộ NN&PTN, TN&MT, Viện NC Sinh thái CS XH	2014	2015-2020
7	Chương trình hỗ trợ xây dựng các mô hình dạy nghề, phát triển ngành nghề truyền thống phù hợp, nâng cao thu nhập cho phụ nữ dân tộc thiểu số	Hội LHPN Việt Nam	UBDT, Bộ LĐ-TB&XH	2014	2015-2020
IV	**Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội**				
1	Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển SX cho các xã ĐBKK, xã biên giới, xã ATK, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (CT 135 GĐ III)	Uỷ ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, địa phương	2013	2013-2020
2	Đề án xây dựng cầu dân sinh quy mô nhỏ (2,5-5 tấn, rộng 2,4-4m) đảm bảo an toàn giao thông	Bộ Giao thông vận tải	UBDT, Bộ KH&ĐT, TC	2014	2014-2020
V	**Tuyên truyền, thông tin truyền thông**				
1	Đề án tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Ủy ban Dân tộc	Bộ Tư pháp, các địa phương	2015	2016-2020
2	Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Uỷ ban Dân tộc	Bộ Tư pháp, VH-TT&DL, TT&TT	2014	2014-2020
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2020	Bộ Thông tin &TT	UBDT, các Bộ, ngành	2012	2013-2020
4	Đề án số hoá truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất vùng dân tộc thiểu số đến năm 2020	Bộ Thông tin &TT	UBDT, các Bộ, ngành	2013	2013-2020
5	Đề án quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020	Bộ Thông tin &TT	UBDT, các Bộ, ngành	2012-2013	2012-2020
6	Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho vùng dân tộc thiểu số đến năm 2020	Bộ Thông tin &TT	UBDT, các Bộ, ngành	2013	2013-2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
7	Chương trình hành động công tác thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo	Ủy ban Dân tộc	Bộ TT&TT, NG	2014	2014-2020
8	Chính sách hỗ trợ thông tin báo chí tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn biên giới, hải đảo giai đoạn 2015-2020	Ủy ban Dân tộc	Bộ TT&TT, TC, VH, TT&DL	2015	2016-2020
9	Đề án công tác truyền thông cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030	Ủy ban Dân tộc	Bộ TT&TT, VH-TT&DL, NG, KH&CN	2014	2015-2020
VI	**Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội**				
1	Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới	Bộ Nội vụ	UBDT, các Bộ ngành, Ban Chỉ đạo TB, TN, TNB,	2014	2014-2020
2	Đề án xây dựng các điểm dân cư tập trung, bố trí việc làm cho nhân dân ở khu vực biên giới; bảo vệ và phát triển rừng vành đai đến năm 2020	Bộ Quốc phòng	UBDT, Bộ CA, Ban Chỉ đạo TB, TN, TNB	2013	2013-2020
3	Sửa đổi Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (sửa đổi, bổ sung QĐ số 18/QĐ-TTg)	Uỷ ban Dân tộc	Bộ CA, QP	2013	2013-2020
4	Chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn và cán bộ về công tác ở địa bàn đặc biệt khó khăn	Bộ Nội vụ	UBDT, KH&ĐT, TC, Ban Chỉ đạo TB, TN, TNB	2014	2014-2020
5	Xây dựng nghị định của Chính phủ ban hành chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ vùng dân tộc thiểu số	Bộ Nội vụ	UBDT, Bộ Tư pháp, Ban Chỉ đạo TB, TN, TNB	2014	2014-2020
6	Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ giai đoạn 2013-2020	Bộ Nội vụ	UBDT, các địa phương, Ban CĐ TB TN, TNB,	2014	2014-2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
7	Đề án tăng cường sỹ quan lực lượng vũ trang xuống các xã trọng điểm, các xã biên giới	Bộ QP	UBDT, Bộ CA, NV, TC	2014	2015-2020
8	Đề án tổ chức Đại hội Đại biểu dân tộc thiểu số lần thứ 2 cấp địa phương	Uỷ ban Dân tộc	Các Bộ, ngành	2013	2014
9	Đề án Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số lần thứ 2 năm 2020	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành	2019	2020
VII	**Y tế, chăm sóc sức khỏe**				
1	Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số	Uỷ ban Dân tộc	Bộ VH-TT&DL, Y tế	2014	2015-2020
2	Đề án nâng cấp, xây dựng mới các trạm y tế quân dân y kết hợp	Bộ Quốc phòng	Bộ Y tế	2014	2015-2020
3	Đề án phát triển mô hình y tế lưu động vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ Y tế	Uỷ ban Dân tộc	2014	2015-2020
4	Đề án nâng cao thể lực, tầm vóc người dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn 2030	Bộ VH, TT&DL	Uỷ ban Dân tộc, Bộ Y tế	2014	2015-2020
VIII	**Văn hóa**				
1	Đề án bảo tồn, phát triển nghề và làng nghề truyền thống vùng dân tộc và miền núi	Uỷ ban Dân tộc	Bộ CTh, KH&ĐT, TC, VH-TT&DL	2013	2014-2020
2	Đề án kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hoá truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam	Bộ VH-TT&DL	Uỷ ban Dân tộc, Viện HL KHXH Việt Nam	2015	2015-2020
IX	**Thương mại, du lịch**				
1	Chính sách phát triển hạ tầng thương mại, xúc tiến thương mại vùng dân tộc thiểu số để đẩy mạnh trao đổi, xuất khẩu hàng hoá, phát triển thương mại, cải thiện đời sống đồng bào dân tộc thiểu số	Bộ Công Thương	UBDT, Bộ KH&ĐT, TC	2014	2014-2020
X	**Khoa học và công nghệ**				
1	Chương trình khoa học trọng điểm cấp nhà nước về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc	Uỷ ban Dân tộc	Bộ KH&CN	2014	2014-2020
2	Đề án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nâng cao giá trị sản phẩm các ngành sản xuất, chế biến nông, lâm sản	Bộ KH&CN	UBDT, Bộ KH&ĐT, TC, CT, NN&PTNT	2014	2014-2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
XI	**Một số đề án, chính sách đặc thù**				
1	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân tộc	Uỷ ban Dân tộc	Bộ KH&ĐT, TC	2013	2014-2020
2	Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi	Uỷ ban Dân tộc	Bộ NG, CT	2013	2013-2020
3	Xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam	Uỷ ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Viện HL KHXH VN	2014	2014-2016
4	Đề án hỗ trợ phát triển KT-XH các dân tộc rất ít người	Uỷ ban Dân tộc	Bộ KH&ĐT, TC	2013	2014-2020
5	Đề án điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số Việt Nam	Ủy ban dân tộc	Bộ KH&ĐT (TCTK), TC, Viện HL KHXH VN	2014-2015	
6	Đề án đánh giá hệ thống chính sách vùng dân tộc thiểu số từ 2006 - 2015, đề xuất giải pháp xây dựng chính sách giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030	Ủy ban dân tộc	Các Bộ, ngành, Ban. CĐ TB, TN, TNB	2016	
7	Một số chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020	Ủy ban dân tộc	Bộ KH&ĐT, TC, LĐ-TB&XH	2015	2016-2020